| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 863/2023/QĐST-HNGĐ | *Quận X, ngày 03 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 593/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Thường trú: tổ A, khu phố B, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Nhà không số (105/30/12) tổ D, khu phố C, phường A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1989

Thường trú: tổ A, khu phố B, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Nhà không số (105/30/12) tổ D, khu phố C, phường A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: "Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 265, quyển số 01/2009 do UBND thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai chứng nhận ngày 05/5/2010. Nay ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M có 02 con chung tên Nguyễn Cường T, sinh ngày 15/9/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/12/2014. Sau khi ly hôn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Cường T, sinh ngày 15/9/2011 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/12/2014 cho bà Lê Thị M

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M cùng xác nhận tiền tạm ứng lệ phí do ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M cùng nộp. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M tự nguyện cùng chịu lệ phí theo biên lai đóng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp cho Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cường T, sinh ngày 15/9/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/12/2014.

Giao con chung tên Nguyễn Cường T, sinh ngày 15/9/2011 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Giao con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/12/2014 cho bà Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng và bà Lê Thị M tự nguyện chịu 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0030165 ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Giấy chứng nhận kết hôn số 265, quyển số 01/2009 do UBND thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai chứng nhận ngày 05/5/2010 không còn giá trị pháp lý.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Mai**